TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05/9/2025
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Thanh

Ông Bùi Văn Dũng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Lệ Huyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp.

Trong ngày 05/9/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2025/TLST-HNGĐ ngày 10/7/2025, về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Xuân Bích N, sinh năm 1990; (Có mặt)

Địa chỉ thường trú: ấp Đ, xã H, thành phố Cao Lãnh (nay là khóm Đ, phường Cao Lãnh), tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: xã A, huyện Cao Lãnh (nay là phường Mỹ Trà), tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Hà Mẫn X, sinh năm 1988; (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã H, thành phố Cao Lãnh (nay là khóm Đ, phường Cao Lãnh), tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Xuân Bích N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 45 ngày 25/5/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên về sau vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Tuy vợ chồng đã nhiều lần tìm cách hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2023 đến nay. Nhận

thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh Hà Mẫn X.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hà Hải Đ, sinh ngày 18/12/2016. Hiện nay con chung đang sống với mẹ là Nguyễn Xuân Bích N, sau khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Hà Hải Đ, không yêu cầu anh Hà Mẫn X cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Hà Mẫn X không gửi văn bản ý kiến, không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Căn cứ vào nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn có địa chỉ tại phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Anh Hà Mẫn X đã được triệu tập đến lần thứ 2 nhưng không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Hà Mẫn X .

[2] *Về nội dung:*

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh X trên cơ sở tự nguyện, có quen biết, tìm hiểu nhau trước khi kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp), nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh X là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh X.

Theo chị N trình bày, trước đây vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ khoảng 3 năm nay, anh X không còn quan tâm, chăm sóc gia đình, bỏ mặc công việc gia đình, chăm sóc con cái cho chị N, cũng không phụ giúp kinh tế trong gia đình. Chị N cũng như cha mẹ hai bên có khuyên nhủ đối với anh X, anh X có hứa sẽ sửa đổi, nhưng không có thực hiện. Nên từ khoảng tháng 11/2023 đến nay, chị N và anh X sống ly thân, chị về nhà cha mẹ đẻ ở xã An Bình, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp sinh sống đến nay. Thời gian sống ly thân, anh X cũng không thể hiện ý muốn hàn gắn, đoàn tụ với chị N. Do đó,

chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh X.

Đối với anh X không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến hay nguyện vọng, phương án hàn gắn hôn nhân với chị N. Điều này chứng tỏ anh X bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình, không thể hiện thiện chí để đoàn tụ gia đình với chị N.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình…"*

Qua lời trình bày của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chị N, anh X đã xảy ra mâu thuẫn một thời gian dài, đã được cha mẹ hai bên động viên để hai bên hàn gắn nhưng không thành. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân gần 02 năm, nhưng vẫn không tìm được cách để dung hòa, hàn gắn tình cảm, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Do đó, xét thấy, đời sống chung của vợ chồng anh chị không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân là để xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, nên căn cứ theo Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[2.2] Về con chung: Chị N, anh X có con chung là cháu Hà Hải Đ, sinh ngày 18/12/2016. Hiện nay cháu đang sống với mẹ là Nguyễn Xuân Bích N, sau khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Chị N trình bày con từ nhỏ tới lớn do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, sinh sống ổn định với nhà ngoại, hiện cháu đang học lớp 4 một trường trung tâm của phường Cao Lãnh. Về kinh tế của chị ổn định, chị có nghề nghiệp là thợ may và có tiệm may riêng.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Đ đang sống ổn định với mẹ là chị N, được học hành đàng hoàng; chị N trình bày thỉnh thoảng nội có qua rước cháu về nhà chơi. Về kinh tế của chị N đảm bảo nuôi dưỡng được cháu. Như vậy, về mặt tình cảm gia đình, kinh tế, hoàn cảnh sống...của cháu Đ cơ bản được đảm bảo. Do đó, để giữ ổn định cho cuộc sống của cháu Đ; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của chị N.

Đối với tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh X không có văn bản ý kiến gửi Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét giải quyết. Nếu có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác.

[3] *Án phí:* Chị N phải chịu 300.000 tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân

cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực. Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Xuân Bích N.

- Chị Nguyễn Xuân Bích N được ly hôn với anh Hà Mẫn X.

2/ Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Xuân Bích N.

Giao con chung là Hà Hải Đ, sinh ngày 18/12/2016 cho chị Nguyễn Xuân Bích N nuôi dưỡng. Anh X không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Xuân Bích N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004142 ngày 09/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Chị N đã nộp xong án phí.

5/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND KV6;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- THADS Tỉnh;
- UBND xã Hòa An (nay là UBND phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (đăng ký số 45, ngày 25/5/2016);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Hồng